

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2011/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2011***NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về
ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn
cho doanh nghiệp và cá nhân****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Điều 2. Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động

1. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp nhỏ và vừa, trừ số thuế tính trên thu nhập từ kinh doanh xổ số, kinh doanh bất động sản, kinh doanh chứng khoán, kinh doanh tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và thu nhập từ sản xuất hàng hóa, kinh doanh dịch vụ thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và trừ các doanh nghiệp được xếp hạng I, hạng đặc biệt thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp là các công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ -

công ty con mà công ty mẹ không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa và nắm giữ trên 50% vốn chủ sở hữu của công ty con.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại khoản này (không bao gồm đơn vị sự nghiệp) là doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí về vốn hoặc lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 thì tiêu chí về vốn được xác định là số vốn điều lệ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

2. Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 của doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử, xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động quy định tại khoản này là doanh nghiệp có tổng số lao động sử dụng thường xuyên bình quân năm 2011 trên 300 người, không kể lao động có hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng. Trường hợp doanh nghiệp tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con thì số lao động làm căn cứ xác định đối tượng giảm thuế đối với công ty mẹ không bao gồm số lao động của công ty con. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm là số thuế tính trên thu nhập của hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử và từ hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Hoạt động sản xuất, gia công, chế biến nông sản, lâm sản, thủy hải sản, dệt may, da giày, linh kiện điện tử quy định tại khoản này được xác định theo quy định tại Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại khoản này bao gồm thi công, xây dựng, lắp đặt: nhà máy nước, nhà máy điện, công trình truyền tải, phân phối điện; hệ thống cấp thoát nước; đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga, bến xe; xây dựng trường học, bệnh viện, nhà văn hóa, rạp chiếu phim, cơ sở biểu diễn nghệ thuật, cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao; hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn; công trình thông tin liên lạc, công trình thủy lợi phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp.

3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là số thuế tính tạm nộp hàng quý và số thuế còn phải nộp theo quyết toán thuế năm 2011.

4. Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ các hoạt động được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này. Trường hợp không hạch toán riêng được thu nhập của các hoạt động được giảm thuế thì thu nhập để tính số thuế được giảm được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa doanh thu của hoạt động được giảm thuế với tổng doanh thu năm 2011.

5. Doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều này là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

Điều 3. Giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với kinh doanh nhà trọ, trông giữ trẻ và cung ứng suất ăn ca

1. Giảm 50% mức thuế khoán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011 đối với: hộ, cá nhân kinh doanh nhà trọ, phòng trọ cho công nhân, sinh viên, học sinh thuê; hộ, cá nhân chăm sóc trông giữ trẻ và hộ, cá nhân cung ứng suất ăn ca cho công nhân.

Mức thuế khoán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

2. Giảm 50% số thuế giá trị gia tăng và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011 đối với hoạt động cung ứng suất ăn ca cho công nhân (không bao gồm hoạt động cung ứng suất ăn cho doanh nghiệp vận tải, hàng không, hoạt động kinh doanh khác) của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp được giảm thuế quy định tại khoản này phải đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp được giảm thuế quy định tại Điều này phải cam kết giữ ổn định mức giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ, giá cung ứng suất ăn ca trong năm 2011 như mức giá đã thực hiện tháng 12 năm 2010.

Giá cho thuê nhà trọ, phòng trọ, giá chăm sóc trông giữ trẻ và giá cung ứng suất ăn ca phải được công khai, niêm yết tại cơ sở kinh doanh và thông báo cho chính quyền xã, phường nơi kinh doanh và cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Trường hợp kiểm tra, thanh tra phát hiện hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp không thực hiện đúng cam kết về giá quy định tại khoản này thì hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp không được giảm thuế theo quy định tại Điều này.

Điều 4. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

1. Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với cổ tức được chia cho cá nhân từ hoạt động đầu tư vào thị trường chứng khoán, góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp trừ cổ tức được chia từ các ngân hàng cổ phần, quỹ đầu tư tài chính, tổ chức tín dụng.

2. Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân.

3. Miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01 tháng 8 năm 2011 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2011 đối với cá nhân có thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công

và từ kinh doanh đến mức phải chịu thuế thu nhập cá nhân ở bậc 1 của Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 22 Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Thu nhập tính thuế làm căn cứ xác định việc miễn thuế quy định tại khoản này là thu nhập tính thuế bình quân tháng của cá nhân thực nhận trong năm 2011.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2011.
2. Trong cùng một thời gian nếu doanh nghiệp được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau đối với cùng một khoản thu nhập thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất.

Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thì số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo quy định tại Nghị định này được tính trên số thuế còn lại sau khi đã trừ đi số thuế thu nhập mà doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý cụ thể đối với các trường hợp doanh nghiệp đã kê khai, nộp số tiền thuế được giảm theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị định này vào ngân sách nhà nước.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định này.
2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo các Sở, Ban ngành và chính quyền các cấp ở địa phương phối hợp với cơ quan thuế tuyên truyền, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.
3. Hội đồng tư vấn thuế xã, phường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về giá ở địa phương xác nhận và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện cam kết giữ ổn định giá của hộ, cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp quy định tại Điều 3 Nghị định này.
4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng